

NAM HÀ TIỆP LỤC QUYỂN BA

QUÂN DOANH CHIẾN TRẬN⁽¹⁾ (Doanh trại quân đội và chiến trận)

Quân doanh (Doanh trại quân đội)

Từ khi vào Thuận Hóa trở về sau và trước năm Nhâm Thìn [1772] đời Cảnh Hưng, sổ bộ binh lính theo ngạch cũ gồm quân số ở các đồn tại Chính dinh (dinh Phú Xuân) và các dinh bên ngoài (nguyên bản gọi là *tử dinh* 子營, nghĩa là dinh con) tất cả 5 vạn người.

Dinh Phú Xuân:⁽²⁾ Vốn là nơi ở của Đồn quốc công, gọi là Chính dinh.⁽³⁾ Hai bên sông lớn đều đặt xưởng thuyền. Giáp với sông lớn là sông Trình Bái,⁽⁴⁾ hai bên cũng đặt xưởng thuyền. Bên trái của sông lớn có tàu voi, lại có kho thóc.

Sông Đại Linh tục gọi là sông Gianh, thuộc châu Bố Chính, phía bờ nam đặt đồn liên lạc, phòng thủ cẩn mật, có cảnh giới. Mỗi đồn bắn 3 tiếng súng, ban đêm thì đốt lửa ở hỏa đài, liên tục đến Lũy Thầy.

Các đồn Lũy Thầy, Thọ Khương, Phù Tông, binh lính gồm 3 ngàn người.

Đồn ở dinh Cát, gồm 600 lính.

Ngoài cửa biển [của dinh Phú Xuân] tục gọi cửa Eo, hai bên đều đặt 10 chiếc thuyền.

Hai bên phố Hội An có 2 trại lính đồn trú, mỗi đồn đều có 100 người.

Cửa Bến Sứ,⁽⁵⁾ phía thượng lưu bờ trái có đóng binh một trại.

Cửa Kinh Trang, phía thượng lưu bờ trái cũng có một trại binh đồn trú, đều gồm 60 lính.

Trên đây, từ đồn Thọ Khương đến đồn Vĩnh An chia binh đóng đồn gần 4 ngàn người. Còn Chính dinh và các dinh bên ngoài, cũng như các nơi

⁽¹⁾ Nguyên bản chép chữ *trận* 陣 thành chữ *trần* 陳, chúng tôi đính chính lại.

⁽²⁾ Địa danh *Phú Xuân* 富春 trong nguyên bản nhiều chỗ bị chép sai thành *Phù Xuân* 浮春, chúng tôi đính chính lại.

⁽³⁾ Thật ra Đồn quốc công Nguyễn Hoàng chỉ ở tại dinh Cát (Quảng Trị), Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên lập dinh Phước Yên, chúa Nguyễn Phúc Lan dời vào Kim Long, đến thời chúa Nguyễn Phúc Thái mới dựng dinh Phú Xuân.

⁽⁴⁾ Đây hẳn là một chi lưu của sông Hương nhưng chưa rõ là sông nào. Tên sông Trình Bái chỉ thấy xuất hiện ở đây.

⁽⁵⁾ Cửa Bến Sứ ở Phú Yên.

trọng yếu đều có lính đóng đồn phòng thủ, sử dụng như thế nào thì sai phái theo thời gian.

Chiến trận

Nói thêm: Nghị Vương (tức Trịnh Tráng, con trai Trịnh Tùng) đặc sai tể thân là Đàng quận công Nguyễn Khải thống lĩnh 5 vạn lính thủy bộ tiến vào Hóa Châu, qua sông Gianh tiến thẳng hết 7 ngày thì đến sông Thầy, ba quân qua sông đến dưới chân Lũy Thầy vào lúc chiều tối thì đóng quân. [Quân Nam Hà] trông thấy đại quân rợp đồng kéo đến, bèn chạy vào dinh Mười. Đàng quận công truyền ba quân nghỉ tạm dưới chân núi.

Thụy quận công [Nguyễn Phúc Nguyên] từ dinh Phú Xuân ngược đường kéo ra dinh Mười, cùng với Lưu Văn Viện đang canh ba lên thẳng Lũy Thầy, truyền hịch kêu gọi dân đình đều cầm binh khí, trống lớn leo núi, tước dầu đốt củi, sáng rực cả trời đất, tiếng hò reo vang dậy liên miên. Đại quân [chúa Trịnh] không biết làm sao (bấy giờ là tháng 6 năm Bính Dần, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8, 1626), tháng 9 kéo quân về. Thụy quận công tập hợp lại quân binh, chia đóng đồn như cũ.

Tháng 2 năm Đinh Mão [1627], Nghị Vương truyền cho hai xứ Thanh-Nghệ mở cảng. Tháng 5 tự đem quân vào đánh Hóa Châu. Quân đến cửa biển Nhật Lệ, đánh nhau vài trận đều thua, nên phải kéo quân về.⁽¹⁾

Mùa hạ năm Quý Mùi [1643] (lúc ấy Nhân quận công [Nguyễn Phúc Lan] nối ngôi được 8 năm), Nghị Vương sai con là Trịnh Tạc (tức Dương Vương) chỉ huy quân đánh Hóa Châu (Sách *Bố Chính châu ký* lại ghi là vương thân chinh). Quân tiến đến cửa biển Nhật Lệ, vì khí hậu nóng bức nên trở về.

Năm Mậu Tý [1648] lại sai Đô đốc Gia quận công⁽²⁾ thống lĩnh ba vạn lính thủy bộ vượt biển đánh vào nam, tiến sâu vào Hóa Châu. Nhân quận công sai con là Phúc Hạo nghênh chiến, bắt được Thống tướng Gia quận công và ba vạn lính, chia ra cư trú ở khắp các huyện của Nam Hà. Năm Canh Dần [1650] (Dũng quận công [Nguyễn Phúc Tần] nối ngôi được 2 năm), Dũng quận công mới phóng thích Gia quận công và 60 người trở về.

Năm Ất Mùi [1655] Dũng quận công đích thân chỉ huy 2 vạn quân thủy bộ kéo ra châu Bố Chính, đánh úp trấn Nghệ An. Tướng giữ trấn là Phạm Tất Kim⁽³⁾ ngăn cản. Lại do đường núi, đường biển và đường chính tiến binh

⁽¹⁾ Theo chính sử, từ năm 1627 đến năm 1672, trong khoảng thời gian 45 năm, hai bên Trịnh-Nguyễn đánh nhau tất cả 7 lần. Lần 1 vào năm Đinh Mão (1627); lần 2: Quý Dậu (1633); lần 3: Quý Mùi (1643); lần 4: Mậu Tý (1648); lần 5: từ năm Ất Mùi (1655) đến năm Canh Tý (1660); lần 6: từ năm Tân Sửu (1661) đến năm Nhâm Dần (1662); lần 7: Nhâm Tý (1672). *Nam Hà tiếp lục* chép sai niên điểm lần 1 (1626), chép thiếu trận đánh lần 2 vào năm Quý Dậu (1633).

⁽²⁾ Có bản chép là Tiến quận công Lê Văn Hiếu, có bản lại chép là Đô đốc Trịnh Đào.

⁽³⁾ Sách này ghi là Phạm Tất Kim, nhiều sách khác lại ghi là Phạm Tất Toàn. Bản dịch *Phủ biên tạp lục* sửa là Phạm Tất Đồng, do căn cứ theo *Đại Nam thực lục tiền biên*.

ba hướng lấy được [...] ⁽¹⁾ Ròng, Chiêu Năm rồi chiếm cả 7 huyện, 1 châu của trấn Nghệ An. Triều đình sai Khê quận công chặn đánh ở cầu Đại Nại. ⁽²⁾ Quân triều đình lại rút về đóng ở Vĩnh dinh. Năm Bính Thân [1656] Dương Vương [Trịnh Tạc] sai Ninh quận công Trịnh Toàn làm thống lĩnh, cùng với quận Hào, quận Lộc, quận Khê và Tham đốc Diên Nham hầu đem quân thủy bộ cùng tiến vào, trú đóng ở cửa biển huyện Kỳ Hoa. Dũng quận công ngầm ra cửa biển Nam Giới, các tướng đều thua chạy. Trịnh Toàn dàn trận đánh mạnh, lấy lá cờ bốn mạng trao cho Đốc thị Dương Hồ. Hồ cỡi voi chỉ huy quân tiến lên. Toàn đốc kỵ binh ra đánh. Quân Nam Hà thua chạy. Quan quân giáp đánh ở cầu Đại Nại, giết được rất nhiều. Trịnh Toàn về đóng quân ở Yên Trường, cầm cự với các tướng của Nam Hà. Dương Vương lại sai con là Trịnh Căn (tức Khang Vương) cùng Tiết chế Ninh quận công chỉ huy các tướng tiến đánh. Trịnh Toàn cùng đánh rồi về Yên Trường. Trịnh Căn cũng về Phù Long (thuộc huyện Hưng Nguyên).

Năm Tân Sửu [1661] Dũng quận công lại sai tướng ra xâm lấn. ⁽³⁾ Dương Vương sai Trịnh Căn tiến đánh. Căn sai Thống suất Lê Thời Hiến đánh giặc, cả phá tại An Thiếp, lại thắng ở Phù Lưu, giết được rất nhiều. Trịnh Căn tiến đến cửa biển Nhật Lệ, thu phục lại hết 7 huyện ở Bắc Hà, lập dinh tại phủ Hà Trung, vạch ranh giới để phòng giữ. Năm Nhâm Dần [1662] Dương Vương lại tự thân chinh, sai Trịnh Căn dẫn binh tiến đến cửa biển Nhật Lệ, vì lương hết, khí hậu nóng bức, nên rút quân trở về.

Năm Nhâm Tý [1672] Dương Vương cho rằng Quảng Nam cách biệt khá lâu, nên sai Trịnh Đống làm thống lĩnh, cùng với Đương quận công Đào Quang Nhiều trừ liệu bố trí. Vương dẫn đại binh tiến thẳng vào châu Bố Chính, ủy cho Trịnh Căn tuyên dụ hai xứ [Thuận Quảng]. Thống suất Lê Thời Hiến đem tướng dưới quyền là Lương Đăng Tiên, Vũ Tuấn Tài nhân ban đêm đánh vào xứ Đa Lạn phá giặc. Vương lại cho rằng địa thế Thuận Quảng ảm thấp lại gặp tiết đông rét lạnh, quân lính khó ở lại lâu dài, bèn rút quân khỏi hoàn. Quân của vương trở về rồi, từ đó không vượt qua phủ Hà Trung, chỉ canh phòng nghiêm ngặt với hiệu lệnh trống còi, khỏi nói thêm nữa.

*
* *

Mùa thu năm Quý Ty [1773] chủ tướng Tây Sơn là ngụy Nhạc làm phản ở Quy Nhơn, rồi tiến ra chiếm quá địa phận Quảng Nam, giành núi Hải Vân. Bề tôi nhà Lê ở Nghệ An là Đoan quận công [Bùi Thế Đạt] gửi thư về khải lên Tĩnh Vương (Trịnh Sâm), chúa nghe tin sai Thượng tướng Việp công [Hoàng Ngũ Phúc] lo liệu việc biên giới. Bài dụ có nói: “Việc biên thù

⁽¹⁾ Thiếu một chữ.

⁽²⁾ Đại Nại ở huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

⁽³⁾ Chi tiết này không chính xác, trong 7 lần đánh nhau, quân Nguyễn chỉ 1 lần tấn công ra đánh quân Trịnh vào năm Ất Mùi (1655).

phía nam, tất cả ủy cho công. Nếu họ đã dẹp yên đảng giặc, thì cần gởi lời rằng: Lần này đến chỉ để phòng giặc mạnh vượt biên cảnh, đưa thư nói rõ ý này rồi trở về, khiến cho họ khỏi sinh nghi mà gây hấn ở biên thù”.

Tháng 6 năm Giáp Ngọ [1774] ra binh. Lúc bấy giờ tự vương [Nguyễn Phúc Thuần] lên ngôi được 9 năm. Vương nghe đại binh vào nam, bèn sai Trường Lộc hầu⁽¹⁾ làm Thống suất dinh Lưu Đồn (tức dinh Mười), giữ Lũy Thầy và cửa biển Nhật Lệ; Tiệp Tài hầu⁽²⁾ làm Trấn thủ dinh Bố Chính (tức dinh Ngói), giữ núi Lệ Đệ và sông Gianh để phòng bị cho quan quân; ủy anh trai thứ là Thành quận công Nguyễn Kính⁽³⁾ làm Giám quốc lo giữ dinh Phú Xuân; còn mình đích thân dẫn thủy binh cùng với Quốc phó Đạt quận công Trương Phúc Loan ra đóng ở cửa biển Tư Dung để chặn Tây Sơn.

Đại binh của Việp công vào Nghệ An. Tướng Nam Hà tại dinh Bố Chính trước hết gởi thư chiêu dụ. Ngân Quang hầu ngầm sai con trai là Nguyễn Văn Nguyên lên đến quân thứ nói rõ tình hình quân binh Nam Hà. Lúc bấy giờ binh tướng Nam Hà căm phẫn Trương Phúc Loan tham tàn như giặc, nên đều không có lòng chiến đấu. Mỗi khi gặp quân Tây Sơn thì tan vỡ. Người mạnh khỏe ở các dinh Lưu Đồn và Bố Chính đều bị điều vào Quảng Nam, chỉ còn lại lính già yếu, nên họ rất sợ hãi. Tiệp Tài hầu xin khao quân để hoãn binh. Bèn sai Cai đội Quý Lộc hầu, Câu kê Kiêm Long tử đem trâu mộng 30 con, rượu 30 vò, gạo nếp 30 bao đến quân thứ Bố Chính để khao quân.

Tháng 10, Việp công dẫn các quân vượt sông Gianh, ghe thuyền lớn nhỏ gồm 700 chiếc, tinh binh gồm một vạn bốn ngàn bốn trăm người im lặng tiến phát, chiếm dinh Thiên Lộc (tục gọi là dinh Mới). Cai cơ Siêu Lương hầu ra hàng. Việp công tiến quân đến trang Diển Phúc. Trấn thủ dinh Bố Chính là Tiệp Tài hầu sai tỳ tướng là Thận Lộc hầu đem hai con ngựa khỏe đến mừng. Công khiến trở về. Đêm ấy dinh Bố Chính sợ hãi tan vỡ. Tiệp Tài hầu và Ký lục Bảo Quang hầu trốn vào lũy Đồng Hồi (tục gọi là Cống Thượng Lũy Thầy). Bọn tỳ tướng Chử Tài hầu ở dinh Bố Chính đều hàng. Nhánh phải của đại quân tiến đến lũy Trấn Ninh (tục gọi là Cống Hạ Lũy Thầy), tướng trấn giữ dự tính đóng chặt lũy chống giữ, nhưng quân lính không theo. Tướng giữ thành là Luận Chính hầu, Thành Tín hầu gặp thế bức phải ra hàng.

Việp công đã giữ Lũy Thầy, liền sai người cùng với Chử Tài hầu mang thư vào Phú Xuân để nghe hư thực. Lại sai binh tiến chiếm dinh Lưu Đồn. Thống suất Trường Lộc hầu, Ký lục Trác Quang hầu ra hàng. Việp công dẫn các tướng theo đường chân núi tiến binh. Trấn thủ Liêm Minh hầu, Tham tướng thủy dinh là Tín Nhiệm hầu ở dinh Quảng Bình (tục gọi là dinh

(1) Có bản chép tên của nhân vật này là Tống Hữu Trường.

(2) Tiệp Tài hầu Nguyễn Phúc Tiệp.

(3) Nguyễn Phúc Kính, con thứ 7 của chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Trạm) đều đến cửa quân xin hàng. Ban đầu tự vương nghe tin Lữ Thầy thất thủ, bèn tìm các ghe bầu trong cõi để chở đầy vàng bạc, của quý, lúa gạo chuẩn bị vượt biển; sai cậu là Nghiêm quận công đang trấn giữ dinh Quảng Nam dự tính xây cung phủ để đón tự vương vào.

Tháng 11, Việp công tiến đến làng Hồ Xá, sai người vào Phú Xuân nói rằng: “Lần này quan quân đến là để hỏi tội Trương Phúc Loan và giúp đánh Tây Sơn”. Vương thấy đại quân áp sát, bất đắc dĩ phải sai Chuồng cơ Triêm Long hầu (Nguyễn Phúc Triêm), Cai đội Tô Nhuận hầu bắt giải Trương Phúc Loan đến quân thứ,⁽¹⁾ và đem vàng dâng lên Hoàng thượng [vua Lê] và Vương thượng [chúa Trịnh] để mong hoãn binh. Việp công bảo Nguyễn Phúc Triêm rằng: “Phúc Loan tuy đã bị bắt, nhưng Tây Sơn chưa bị diệt, nên cần vào Phú Xuân để dẹp giặc không thể trì hoãn”. Bèn soạn thư giao cho. Triêm Long hầu từ Hồ Xá trở về, vương triệu tướng tá họp bàn. Tô Nhuận hầu nói rằng: “Quân Bắc ít, không đủ sợ, xin xuất binh ngăn chặn”. Vương bèn quyết ý chống cự, sai chia thủy bộ, thuyền ghe, voi ngựa để đóng giữ các đường trọng yếu trên bộ và đường thủy.

Việp công từ Hồ Xá tiến binh, đến thôn Ái Tử (tức dinh Cát) có một người học trò già là Trần Duy Trung chặn đường dâng thư, xin chỉ đường tiến vào Phú Xuân, đã trình rằng: “Lính Nam không quen đánh đường bộ, chỉ giỏi về thủy quân. Đại quân từ xa đến xin chớ giao tranh với quân thủy là sở trường của họ”. Việp công lưu ông ta ở lại trong quân. Lúc bấy giờ tự vương đã sai Chính Đức hầu chỉ huy quân bộ, đóng đồn ở làng Phước Giang,⁽²⁾ đối ngạn với làng Lương Phước.⁽³⁾ Thạc Thọ hầu chỉ huy thủy quân án ngữ ở bến sông Lương Phước (tục gọi là sông Độc), đóng đồn phía trên từ Thác Ma phía dưới đến phá Tam Giang, thủy bộ nối liền nhau. Và sai Cai đội Tuyên Chính hầu (Nguyễn Phúc Tuyên), Tham mưu Thành Đức hầu (Lê Văn Thông) đem thư ra quân thứ dinh Cát. Bọn Tuyên Chính hầu đến, Việp công hỏi về tình hình chia binh đóng đồn ngăn chặn của quân Nam. Tuyên Chính mượn lời từ chối. Việp công lại viết thư khiển trách. Khi tiến đến làng Trường Sanh,⁽⁴⁾ nghe tin một nhánh thủy quân Nam Hà đã ra ngã ba sông Cường để cắt đường vận lương, liền mật báo cho thủy quân chuẩn bị thủy chiến. Việp công dời đồn đến làng Lương Phước, và sai Đinh Vũ hầu ra đóng ở cửa sông Nhùng, làm thế ỷ giốc cho thủy quân.

Tháng 12, Việp công sai một nhánh quân bộ tiến sát bờ sông Lương Phước, đóng đồn cùng bắn nhau với quân Nam Hà. Thủy binh Nam Hà bị

(1) Có bản chép Chuồng dinh Nguyễn Cửu Pháp, Tiết chế thủy bộ Nguyễn Phúc Huống cùng nhau lập mưu bắt Trương Phúc Loan đem nộp.

(2) Làng Phước Giang nay là làng Phước Tích, thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Làng nằm bên bờ nam sông Ô Lâu.

(3) Làng Lương Phước nay là làng Lương Điền, thuộc xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Làng nằm ở bờ bắc sông Ô Lâu. Sông Ô Lâu còn có tên là sông Độc, bắt nguồn từ vùng đồi núi phía tây huyện Phong Điền và đổ vào phá Tam Giang ở cửa Lác. Thác Ma là một chi lưu của sông Ô Lâu ở thượng nguồn.

(4) Làng Trường Sanh nay thuộc xã Hải Trường, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

tử thương nhiều. Nhánh thủy quân đến ngã ba sông Cường không tiến lên được. Việc công sai Thế Trung hầu [Hoàng Đình Thế] tập kích ban đêm để cắt đường tiếp tế lương thực của quân Nam Hà và để liên lạc với Dĩnh Vũ hầu tại sông Nhùng. Một nhánh bộ binh của Nam Hà từ làng Phương Lang đến khiêu chiến. Dĩnh Vũ hầu vượt sông đón đánh, bộ binh Nam Hà rút lui. Thống binh Chính Đức hầu lại đem 500 bộ binh, 20 voi chiến vượt tắt sông Lương Phước để khiêu chiến. Việc công ra lệnh từ từ rút lui để dụ địch. Khi quân Nam tiến sát, thì quan quân cả ba mặt tiền và tả hữu của dinh Trung chỉ đều giáp công. Binh Bắc Hà thắng. Quân Nam giành nhau vượt qua cầu nổi bị chết đuối rất nhiều, chỉ có Chính Đức hầu thoát được. Đại quân qua sông Diên Sanh đánh tiếp các đồn Phương Lang, Đa Nghi, Đơn Quế.⁽¹⁾

Tự vương sai Cai đội Phẩm Bình hầu đem chỉ thư ra dụ hào mục và quân dân các huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh ứng nghĩa để quấy nhiễu mặt sau của đại quân, nhưng đã bị cơ Tả Thủy bắt được, nên việc không thành. Chính Đức hầu từ Phước Giang bị thua trở về, lại đóng quân ở sông Bái Đáp⁽²⁾ để ngăn chặn. Từ đây đến Phú Xuân chỉ mất hai canh. Việc công chỉ huy binh các nhánh đóng đồn ở Phò Ninh gần sát với đồn của quân Nam, trước đó đã sai quân tiên bộ đóng đồn ở bến sông Hiền Sĩ để bắn nhau với quân Nam. Chỉ huy Thủy dinh của Nam Hà là Nguyễn Đan (em của tự vương, tức là Trường quận công)⁽³⁾ tiến quân ra sông Tiểu toan đánh tập hậu quân Bắc để cắt đường chở lương, nhưng bị thủy quân Bắc Hà tiến đánh. Đan rút lui vào phá Tam Giang. Việc công sai binh đóng đồn ở ngã ba sông Tiểu để ngăn chặn. Bên Nam, quân tiên bộ vượt sông Hiền Sĩ tập kích đại đồn. Nhánh tả vượt sông tiến xuống phía hạ lưu, nhánh hữu vượt sông tiến lên thượng lưu chia đánh các đồn. Việc công chỉ huy Trung chỉ chặn đánh. Thống binh Chính Đức hầu hốt hoảng leo lên voi. Voi quỳ xuống không đứng lên được. Quân tiên bộ Tuyền Phong bất ngờ kéo đến, Chính Đức hầu bị giết. Các đồn Nam Hà ven sông đều tan vỡ. Tự vương nghe tin sai quan quân dinh Phú Xuân xuống thuyền đi Quảng Nam. Khi quân tiên bộ đến cầu Phú Xuân,⁽⁴⁾ bị Nam binh điều hơn mười thớt voi chiến chống cự. Thế Trung hầu vẫy quân xông thẳng lên tiến vào dinh Phú Xuân. Trên sông Phú Xuân⁽⁵⁾ vẫn còn vài chục chiến thuyền dàn hàng ngang mà bắn, từ đêm đến sáng vẫn đánh nhau loạn xạ không thôi.

Tháng Giêng năm Ất Mùi [1775] tự vương thoát ra cửa Noãn [tức cửa Eo], quan quân đuổi theo đến cửa biển Tư Khách. Nhưng vương đã lên đường bộ, quan quân đuổi theo không kịp. Lúc bấy giờ dinh Quảng Nam vẫn còn một vạn binh thủy bộ đang đánh nhau với quân Tây Sơn. Việc công cho dừng quân

(1) Tên các làng ở phía nam của huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

(2) Tức sông Bồ, phía trên có Hiền Sĩ, Phò Ninh ở tả ngạn.

(3) Đây có lẽ là Chương dinh quận công Nguyễn Phúc Đan, còn có tên là Trường, là con thứ 13 của Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, anh của tự vương Nguyễn Phúc Thuần.

(4) Đây là một cây cầu nhỏ dẫn vào dinh Phú Xuân, nay không còn.

(5) Sông Phú Xuân tức sông Hương.

ở Phú Xuân, sai người vào dinh Quảng Nam dụ hàng. Ngụy Nhạc công phá dinh Quảng Nam, vương bèn chạy ra biển, lập cháu là Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung, đóng đồn ở Câu Đề để chống Nhạc. Dinh Gia Định cử Hiến Đức hầu dẫn thuyền ra đón. Vương bèn vượt biển vào Nam, gặp gió lớn, thuyền đi theo phần lớn lật chìm. Du quận công bị chết đuối (Du tức là Nguyễn Phúc Du dòng dõi nhà chúa, cùng với Thận quận công và cậu là Nghiêm quận công cùng trấn giữ dinh Quảng Nam), chỉ mình vương thoát khỏi.

Tháng Ba, Việp công cho rằng Hải Vân núi cao hiểm trở, hai đường thượng đạo và trung đạo từ lâu bị bỏ hoang vì lấp, đường hạ đạo có Nguyễn Phúc Dương đóng tại Câu Đề chia binh phòng thủ, bèn sai Đinh Vũ hầu tiến theo hạ đạo, cùng thủy quân kèm chế đồn Câu Đề, [Việp công] đích thân chỉ huy bốn nhánh quan binh theo thượng đạo vạch núi thông đường, men theo vách đá chặt cây dầm mưa tiến vào.

Tháng Tư, quân tiền bộ tấn công mặt phải đồn Câu Đề, còn Trung chi và Hữu chi lách ra mặt sau. Quân binh trong đồn Câu Đề biết thế không địch nổi, bèn vượt sông mà chạy. Đồn bị Tây Sơn chiếm, binh lính đều đến cửa quân đầu hàng. Quốc mẫu Nguyễn Thị [Kd: Phúc] Ngọc Cầu và ngoại tổ mẫu là Nguyễn Thị Kiều ở tại đồn Hối Mít⁽¹⁾ cũng bị quan quân bắt được.

Sau khi vào dinh Gia Định, vương tập hợp quan binh còn sót lại tiến ra chiếm Phú Yên, rồi cho đắp thành dài lũy to, đều đặt súng lớn.

Tháng Bảy, Nguyễn Nhạc sai em là Văn Bình đem quân tiền bộ đánh vào, chiếm được mười hai đồn lũy, vượt qua Thạch Bi (tại Đèo Cả, do Lê Thánh Tông dựng nên) tiến thẳng vào địa đầu dinh Bình Khang.

Tháng Chín, Việp công từ Châu Ô kéo quân về. Cả vùng từ Quảng Ngãi ra Thăng Hoa, Điện Bàn không có binh đồn trú ngăn giữ một phương, nên trộm cướp tụ tập cả bấy, nghe tin mật báo, Nhạc bèn đem binh về cứu.

Wương tại dinh [Gia Định] thu xếp, thế quân có phần phần chấn trở lại.

Tháng 5 năm Bính Thân [1776] Nhạc sai em là Văn Lữ chỉ huy thủy quân vượt biển đánh phá Gia Định. Quốc vương hoảng hốt chạy về phía nam.

*

* *

Nói thêm: Khi Vương thượng đến Đồng Nai, ý người hòa hợp suy tôn, có người di thần tên Kính cùng mưu toan khôi phục, thỉnh thoả cùng giao thiệp với Cao Miên, Xiêm La và nữ vương Khách Lý⁽²⁾ ở Hà Tiên để làm ngoại viện.

Mùa xuân năm Đinh Dậu [1777], ngụy Nhạc có thư nói rằng: “Tại đất Đồng Nai, sáu tên kiệt hiệt đang hùng cứ mà Nguyễn công tử được chúng suy tôn. Nay tuy gọi là chưa cất binh ngay, nhưng đã có cái thế đáng sợ. Lại

⁽¹⁾ Hối Mít ở phía tây đầm An Cư, nay thuộc thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁽²⁾ Không rõ nhân vật này.

thêm tên Tiếp⁽¹⁾ đang kết bè đảng, tên Kính⁽²⁾ vốn rất quật cường, hiện đang xâm lấn Phú Yên, rất là kiệt kiệt, tình thế rất khẩn cấp. Thần qua Chân Lạp đến mùa xuân này mới về cự địch, chưa rảnh để kéo quân ra”.

Tháng Ba, Nhạc đích thân chỉ huy các em đem ba đạo tiến binh, từ Bình Thuận qua sông Ma Ly, cùng lúc tiến đến Đồng Nai. Vương thượng bèn theo thuyền đi Xiêm La. Năm Mậu Thân [1788] kéo quân về thu phục Gia Định. Năm Kỷ Mùi [1799] tiến lấy Quy Nhơn, lưu Đông cung Búa,⁽³⁾ phò mã Tánh giữ thành Đồ Bàn, cầm cự với Tây Sơn, vương đích thân dẫn sáu quân tiến ra Phú Xuân. Bọn giặc là Diêu, Dũng đem thuyền lớn của đại binh, kết thành thủy trại trên bờ biển (tục gọi là Vũng Sốt) và đem thủy binh vây thành Đồ Bàn. Trong thành lương hết, [phò mã Tánh] đã tự thiêu.

Thủy quân [của Vương thượng] ra biển, bắt sống được bọn giặc trên ba chiếc du thuyền, bèn khiến tiến lên trước rồi chạy thuyền lớn theo sau, xông thẳng vào giữa thủy trại của Tây Sơn, phóng lửa, gặp gió mạnh lửa càng cháy lớn, chiến thuyền của Tây Sơn bị thiêu hủy hầu hết. Đường hạ đạo như thế đã thông.

Năm Tân Dậu [1801] chiếm được Phú Xuân. Ngụy Trát [Quang Toản] chạy ra Bắc, chia binh giữ sông Gianh. Vương sai Lê Văn Duyệt trở về [Quy Nhơn] tấn công bọn Diêu, Dũng. Lúc bấy giờ, thuyền trại của Tây Sơn đã bị thủy quân đốt trụi, quân bộ xuống hạ đạo không có thuyền, nên Diêu, Dũng theo đường thượng lộ chạy thoát.

Tháng 5 năm Nhâm Tuất [1802], bách quan soạn biểu xin lên ngôi. Vương thượng lên ngôi hoàng đế,⁽⁴⁾ lấy năm ấy làm Gia Long năm đầu, đem đại quân vượt qua sông Gianh, các đạo Hoan Ai nghe bóng gió đều xin hàng.

Tháng 6 đại quân đến Thăng Long, bắt được Nguyễn Trát [Quang Toản] và tất cả đầu sỏ giặc. Mười ba đạo dẹp yên, thống nhất cả nước.

Thiên Hồng phạm [của *Kinh Thư*], điều bát chính nói rằng: Tướng sùyn nhờ binh để giữ nước thực không thể thiếu vậy. Dùng binh ứng nghĩa là lẽ tất nhiên của vương giả. Nếu lại là binh giận dữ, binh tham tàn, thì xưa nay đã lấy làm răn.

Nước Việt ta lúc vua Lê Thánh Tông đến Thạch Bích khắc lời vào đá cũng là để dạy dỗ cấm chỉ, giúp cho đời giữ vững thành tựu, phô trương thanh thế cũng không thiếu võ bị vậy. *Tam quốc chí* có nói: Trăm trận trăm thắng, không bằng chẳng đánh mà thắng.

(1) Túc Châu Văn Tiếp (1738-1784), đầu tiên theo Tây Sơn, sau quy thuận nhà Nguyễn, cùng với Tổng Phúc Hợp chống đánh quân Tây Sơn ở Phú Yên.

(2) Đây có thể là Kính quận công Tổng Phúc Hợp (?-1776), nguyên là Lưu thủ dinh Long Hồ, năm 1774 được phong Tiết chế, thống lĩnh quân đội chúa Nguyễn chống lại Tây Sơn ở Phú Yên, sau mất tại Gia Định

(3) Đông cung Cảnh thật ra không ở Quy Nhơn mà đang giữ chức Lưu trấn Gia Định

(4) Sự thật, Nguyễn Ánh đã lên ngôi vương ở Gia Định từ năm 1780. Năm 1802, vua chỉ đặt niên hiệu. Đến năm 1806 mới lên ngôi hoàng đế.

SƠN XUYỀN HÌNH THỂ (Hình thể núi sông)

- Xưa Lê Thánh Tông cho Thuận Quảng là đất xa xôi, nên đã xây dựng trấn dinh gọi là dinh Phù Xuân⁽¹⁾ tại huyện Phù Xuân⁽²⁾ bên phải sông Cái, một mặt là sông Cái, ba mặt là đường nước. Bốn bên đều có sông nước bao quanh, bên ngoài thông với cửa biển Tư Khách.

Núi Bồ Chính chắn ngang phía bắc, non Hải Vân cao trấn phương nam, đều là do trời đất tạo lập, một người có thể chống cự trăm người.

Đoan quốc công vào Thuận Hóa lại đặt thành phủ Phú Xuân, hiển nhiên là một nơi đại đô hội của Nam Hà. (Một hôm, Lê Thánh Tông dừng chân ở cửa biển Ô Châu [Kđ: Ô Long, tức cửa Tư Khách], nhìn bốn phía là núi sông hiểm yếu, nên nói với bề tôi hầu cận rằng: “Hình thể núi sông như thế, sau ắt có bậc anh hùng cát cứ”).

- **Cửa biển Thân Phù** [thời Nguyễn còn có tên là cửa Chính Đại, thuộc Thanh Hóa, nay nằm ở khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình]: Cửa có cảng sâu, thông với cửa sông Hổ. Bên trong có núi Chích Trạ [chiếc đĩa]. Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly tiếm ngôi, quân Minh đến xâm chiếm, cho chở đá lấp đường cảng để chặn đường thủy, không được đành rút lui.

- **Cửa biển Kỳ La** [tức cửa Nhượng, nay thuộc Hà Tĩnh]: Bên trái cửa có núi, tên là núi Thiên Cầm [天琴, Đàn Trời]. Núi này cao đẹp lạ thường. Trên núi có chùa. Xưa Nhân Vương⁽³⁾ thường đến chơi, nghe tiếng sáo trời, nên đặt tên ấy. Sau, Hồ Quý Ly bị quân Minh đuổi gấp, chạy về nam đến núi này, hỏi tên núi. Có người trả lời, đó là núi Thiên Cầm. Quý Ly sau đó bị bắt ở đây. Người sau nhân đó đổi tên là núi Thiên Cầm [天擒山, núi Trời Bắt].

- **Lũy Án**: Phàm đường vào Thuận Hóa, qua khỏi cửa biển Hà Hoa [tức cửa Kỳ La] ở thượng lưu ắt phải vượt qua các lũy này, sau mới vào được.

Phụ thêm: Toàn đồ Lũy Án

- **Lũy Thầy**: Nơi này là đất hiểm yếu của Hóa Châu. Núi tổ khởi mạch từ các dãy núi Sách Sơn, cao vọi vọi kéo đến, ngàn dặm cao vút.

Đầu đời Thụy quận công [Nguyễn Phúc Nguyên] đắp lũy này, bên hữu có các lũy Ông Hồi, Đòn Vông, Chính Thủy, bên tả có lũy dài Mũi Chùy. Trên đỉnh núi lại đắp thêm núi đất, đầu đuôi liên lạc tiếp nhau, hình thể như con rắn dài. Trên lũy chứa nhiều dầu mỡ, hàng năm bồi đắp lũy.

Phụ thêm: Toàn đồ Lũy Thầy

⁽¹⁾ Đây chính là thành Hóa Châu, chưa bao giờ có tên là Phù Xuân.

⁽²⁾ Đây là huyện Đan Điền xưa, nay là huyện Quảng Điền.

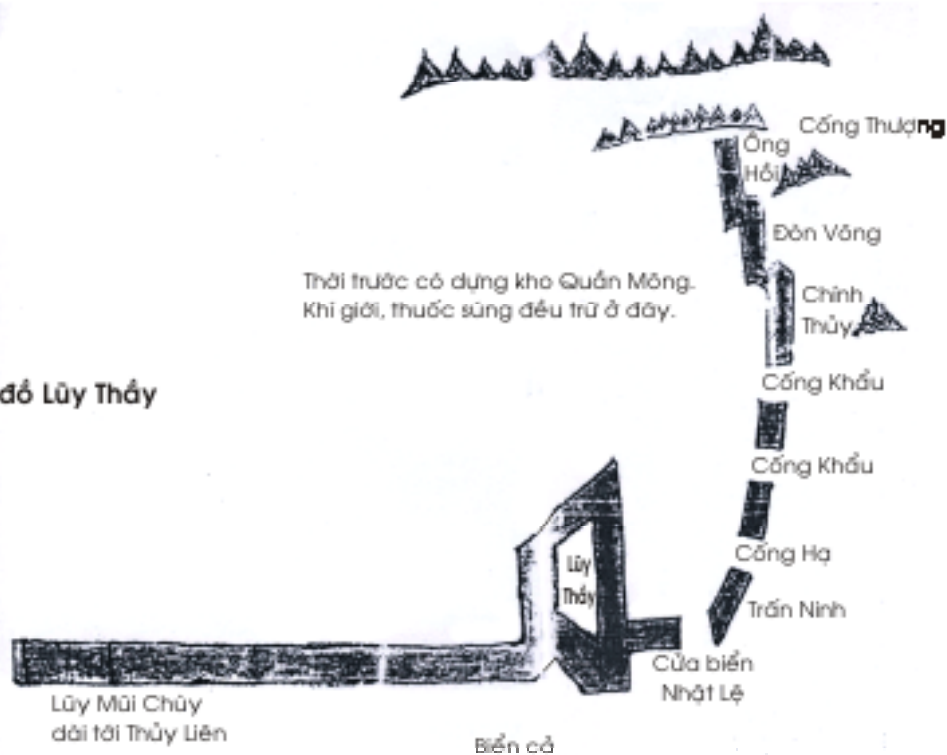
⁽³⁾ Chưa rõ tích này. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì tên Thiên Cầm (Đàn Trời) là do vua Hùng đặt nhân một lần đi chơi phương nam.

Trường Giang phát nguyên từ La Hà



Toàn đồ Lũy An

Toàn đồ Lũy Thầy



- **Cửa biển Nhật Lệ** [Quảng Bình]: Trong cửa có phá cạn, dài rộng chừng ba mươi dặm, nước nông cát bùn lầy lẫn lộn. Nếu không am hiểu luồng lạch thì không thể qua cửa lên thượng lưu được. Hai con sông bên phải bên trái hợp dòng với nhau. Ở thượng lưu bờ sông bên trái có kho Quần Mông. Thượng lưu bờ sông bên phải có kho thóc. Đường thủy từ dinh Lai ra đến kênh Nhà Hồ có đặt thuyền. Việc khiêng vác gồng gánh không phân biệt lính, dân, hay người buôn đều thuê mướn xe chuyên chở. Đến bến đò Tam mới xuống thuyền, nhưng khi cạn hoặc không có nước thì đến kênh Nhà Hồ mới đi thuyền được. Cho đến Khu Voi⁽¹⁾ dưới chân núi Hải Vân mới dừng.

- **Dinh Côn Tiên** [Quảng Trị]: đây là đồi núi ở địa phương, chỉ có dân cư ở ba mươi sáu phường [của tổng] Bái Trời. Dững quận công có lập dinh ở đây.

- **Cửa biển Tư Khách** [nay là cửa Tư Hiền, tỉnh Thừa Thiên Huế]: Triều Lý gọi là cửa Ô Long. Vua Trần Nhân Tông gả công chúa Huyền Trân cho quốc vương Chiêm Thành là Chế Mân [đưa dâu về ghé cửa biển này] nên đổi là Tư Dung. Nhà Mạc vì chữ Dung trùng âm với tên vua, nên đổi là cửa Tư Khách. Trong các cửa biển, chỉ có cửa biển này núi đá buông rủ xuống hùng tráng, sóng lớn nguy hiểm. Bên trái trong cửa có phá cạn, dài khoảng trăm dặm, rộng khoảng sáu mươi dặm. Bên phải có một hòn núi đất [tức Quy Sơn hoặc núi Rùa, thời Minh Mạng đổi gọi Linh Thái], trên núi dựng đài cờ và đuốc để làm hiệu, ban ngày thuyền đi trông cờ, ban đêm trông lửa đuốc làm chuẩn.

- **Núi Hải Vân** [nay là khu vực giáp ranh giữa Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng]: Núi này cao như mây, từ rừng núi chặn ngang đến giữa biển cao sánh ngang mây, nên có tên là Hải Vân, tục gọi là Ải Vân, do sự chuyển thanh mà nên. Dưới núi có Lỗ Đót, vũng Đồng Long vừa rộng vừa sâu có thể mai phục thuyền để bắn qua núi Hải Vân. Cửa đầm có núi đá, nước chảy vòng bên phải núi đá. (Núi Hải Vân nhiều thú dữ, có miếu thiêng).

- **Đại Chiêm hải môn** [tức cửa Đại, nay thuộc tỉnh Quảng Nam]: Giữa biển có cồn cát dài gọi tên là Bãi Cát Vàng [tức quần đảo Hoàng Sa]. Từ cửa Đại Chiêm đến cồn cát khoảng năm, sáu trăm dặm, rộng ba, bốn mươi dặm, trời cao lên giữa biển.

- **Lũy cũ Độ Kỹ**: Nơi này xưa có đắp lũy lớn thành dài. Từ Độ Kỹ tới cửa biển Hiệp Hòa [cửa Đại Áp, nay thuộc Quảng Nam] đều đặt súng lớn.

- **Đèo Bích Than**: Nơi này có vách đá cao một tầm rưỡi,⁽²⁾ có nhiều chỗ hẹp, hai con ngựa gặp nhau đi không lọt.

⁽¹⁾ Khu Voi, sau đổi tên là Khúc Tượng, nay là làng Phước Tượng, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁽²⁾ 1 tầm (hoặc ngũ) = 1 bộ = 5 thước. Nếu tính 1 thước = 0,424m thì 5 thước = 2,12m, 1,5 tầm = 3,18m. Chưa rõ địa danh Bích Than.

- **Cửa biển Nước Mặn** [cửa Thi Nai, nay thuộc tỉnh Bình Định]: Ngoài cửa có hai mỏm núi cùng đứng giáp nhau. Tục gọi là Lỗ Đố và Ông Khổng Lồ, giữa dòng có thể thông thuyền đi qua sông Phú Đa, có thành cổ tức là thành Đồ Bàn, một tên khác là thành Hoàng Đế. Thành hình vuông, vòng thành bốn bên rộng đến hai, ba dặm. Thành có 4 cổng, trong có điện và tháp, tục gọi là tháp Con Gái (gồm 12 tháp). Bên trái có sông An Giá. Từ nguồn Cầu Bông, bên phải có hai sông Cầu Lam, Bà Quế, trên thông với đạo Đồng Nai, dưới đến cửa biển. Trước thành có núi Mò Ó, phía dưới núi là nha môn phủ Quy Nhơn, nha môn huyện Tuy Viễn, và phường Ông Tre dật gấm ngũ sắc.

- **Núi Phân Mao** [núi Thạch Bi thuộc tỉnh Phú Yên]: Giáp ranh giới Chiêm Thành. Có một nhánh núi kéo liền đến biển. Hai bên cây cỏ chia thành hai [chiều], có hai khối đá dẹt như bia đá. Một đầu hướng về phía tây, một đầu hướng về phía đông như dáng hai người đứng dựa lưng nhau. Vua Lê Thánh Tông khi dẹp xong Chiêm Thành đã chạm vào đá lập bia tại làng Quảng Hóa để phân bờ cõi.

- **Cửa thành nước Chiêm Thành**: Cửa biển Nha Trang. Nước cửa biển chảy, bờ bắc cạn, bờ nam sâu.

Kinh Dịch nói rằng: Bậc vương công thiết chỗ hiểm yếu để giữ nước.

Kinh Lễ nói: Thành trì, núi sông để làm nơi hiểm yếu để giữ nước. Nhưng tứ nhạc (bốn ngọn núi), tam đồ (ba con đường) là hình thế của chín châu [lược một câu 16 chữ vì không rõ nghĩa].⁽¹⁾ Ở nước Việt ta, triều Lý bắt đầu xây thành Thăng Long, triều [Hậu] Lê bắt đầu xây dựng hai kinh [Tây Kinh và Đông Kinh], là lấy cái hiểm để ngăn chặn, lấy cái đức để giữ vậy.

Kinh Thi nói: Giữ đức thì được yên ổn.

⁽¹⁾ Nguyên văn: 是不一姓吳起中流之對蓋本於司馬侯 - Thị bất nhất tính Ngô khởi trung lưu chi đối, cái bốn ư Tư Mã hầu.

PHONG VỰC (Bờ cõi)

Thuận Hóa, Quảng Nam vốn là biên giới của nước Chiêm Thành tiếp giáp phía nam huyện Kỳ Hoa trấn Nghệ An. Ban đầu vào năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 2 [1069], vua Lý Thánh Tông đại giá thân chinh, bắt vua Chiêm là Chế Củ. Người Chiêm đem ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc tội. Vua y cho, đổi Địa Lý thành châu Lâm Bình, Ma Linh thành châu Minh Linh, Bố Chính thành châu Bố Chính. Trần Duệ Tông đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình (sau triều Lê đổi là Tiên Bình). Trần Nhân Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, Mân đem hai châu Ô, Lý phụ vào nước ta làm lễ vật nạp thái. Anh Tông đổi thành châu Thuận, châu Hóa. Lê Thánh Tông thân chinh Chiêm Thành, bắt vua nước ấy là Trà Toàn, người Chiêm đem châu Ô chuộc tội.⁽¹⁾ Vua đã chiếm đất cho đến núi Phên Mao, dựng bia đá tại đây để định biên giới. Bèn lấy đất cũ triều Lý chiếm được làm thành các huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, các châu Bố Chính, Minh Linh (tức là đất ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính cũ) đều thuộc phủ Tiên Bình, đổi châu Thuận, đất cũ mà triều Trần chiếm được thành hai huyện Hải Châu (sau lại đổi là Hải Lăng), Vũ Xương, đổi châu Hóa thành ba huyện Kim Trà, Tư Vinh, Đan Điền (đất hai châu Ô, Lý cũ). Và lấy đất mới phụ thuộc đặt ra huyện Điện Bàn, châu Thuận Bình và châu Sa Bồn, đều thuộc phủ Triệu Phong. Lại từ núi Hải Vân về nam, đổi hai châu Thăng, Hoa thành ba huyện Hà Đông, Hi Giang (tức Lễ Dương), Hùng Dương (tên cũ là Lê Giang, sau cải là Hòa Vang), đều thuộc phủ Thăng Hoa; lấy Tư Châu, Nghĩa Châu đổi thành ba huyện Bình Sơn, Nghĩa Sơn (sau đổi là Chương Nghĩa), Mộ Hoa, đều thuộc phủ Tư Nghĩa (sau đổi là Quảng Nghĩa). Và lấy thành Đồ Bàn, đất cũ của Chiêm Thành đổi ra ba huyện Bông Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn, đều thuộc phủ Hoài Nhơn (sau đổi tên là Quy Nhơn); đặt ra ba phủ hai lưu (hai lưu là nơi đầy tội nhân hạng ba) để mạnh vùng biên; phân thành hai xứ: xứ Thuận Hóa gồm các phủ Tiên Bình, Triệu Phong; xứ Quảng Nam gồm các phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn. Vào khoảng niên hiệu Chính Trị, Đoàn quốc công kiêm lãnh hai trấn.⁽²⁾

Xứ Thuận Hóa, phía bắc tiếp giáp phía nam khe huyện Kỳ Hoa, trấn Nghệ An; phía nam giáp núi Ai Vân; phía đông đến tận biển. Dọc theo bờ biển có mười hai⁽³⁾ cửa biển là Đại Linh (còn gọi là cửa Gianh, rất sâu), An Náu (sâu vừa), Lý Hòa, Thuận Cô (cạn), Nhật Lệ (còn có tên cửa Nhu, rất sâu), Tùng Luật (ngoài sâu trong cạn), Minh Linh (sâu vừa), cửa Noãn

⁽¹⁾ Thông tin này không chính xác. Sau chiến thắng Đồ Bàn, vua Lê Thánh Tông lấy đất Chiêm nhập vào xứ Quảng Nam, ranh giới đến đèo Cả. Châu Ô là tên cũ của vùng Triệu Phong, Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

⁽²⁾ Nguyễn Hoàng làm Trấn thủ Thuận Hóa vào năm Chính Trị nguyên niên (1558), đến năm Chính Trị thứ 12 (1569) mới kiêm lãnh hai trấn Thuận Hóa, Quảng Nam.

⁽³⁾ Thiếu một cửa biển là Di Luân Hải Môn tức cửa Roòn. Sai tên cửa: cửa Tùng Luật tức là cửa Minh Linh, nên thiếu một tên nữa là Việt Hải Môn tức cửa Việt.

(còn có tên cửa Eo, rất sâu), cửa Cảnh Dương, cửa Tư Khách (tục gọi Mù U), cửa Hải Vân. Phía tây là các núi nhỏ thông sang các nước Ai Lao, Lạc Hoàn, Vạn Tượng. Thuộc về nguồn Sái, châu Sa Bôi có hai mường Cha Bôn, Thượng Kế, về châu Tĩnh An có hai mường Trầm Bôn, Hương Khâm, các sách Lương Thìn, Tồi Ôi, Hộ Long, Làng Tổng, Làng Hâm, Phiêu Thủy, Phù Âu, Ha Ty, Làng Luống, Làng Nông; và các tuần ty Cam Lộ, Sái Tuyên, Hiếu Giang, Cây Lúa, Ngưu Cước, Viên Kiệu, Tầm Linh.

Xứ Quảng Nam, phía bắc giáp núi Hải Vân xứ Thuận Hóa; phía nam giáp ranh giới phủ Bình Khang. Trên ranh giới có núi lớn. Trên đỉnh núi có Thạch Bi, tên là Đèo Cả. Phía đông ra tới biển. Dọc theo bờ biển có mười hai cửa biển: Đại Chiêm (lại có tên Chiêm Lũy, sâu vừa), Sa Huỳnh (tục gọi là Bãi Cát Vàng,⁽¹⁾ nhỏ cạn), Mỹ Á (cạn nhỏ), Thanh Hảo (sâu mà nhỏ), Tân Quan (sâu vừa), La Hà (còn có tên là sông Cùng Trà Ổ), Nước Ngọt (còn có tên Đạm Hải, sâu vừa), Nước Mặn (còn có tên Thi Nại, rất sâu), Trạc Vinh (còn có tên Cù Mông, sâu mà nhỏ), Xuân Đài (còn có tên cửa La, cạn nhỏ), Đà Diên (còn có tên Ma Linh, cạn nhỏ), Tô Hà (còn có tên Trà La, cạn nhỏ). Phía tây là các núi nhỏ giáp với Nam Bàn, Thủy Xá, Hỏa Xá và hai đất giặc Tứ Linh, Nhưng Huy, cùng với các man Pha Lũy, Đồng Vụ, Thượng Vinh, Thượng Phong. Men theo các ngọn núi có các nguồn Phú An, Hà Lô, Hà Nghiêu, An Tượng, Thạch Bàn, Ô Liêm, Ba Tư, Ba Địa (nơi này có nhiều mọi hung dữ thường cướp bóc), Đà La, Phường Tây, Thu Bồn, Chân Đàn, Phúc Khánh, Trà Vân, Liêm Hộ, Cầu Ngồi.

Bình Khang và Diên Khánh vốn là đất cũ của Chiêm Thành. Dững quốc công [Nguyễn Phúc Tần] đánh Chiêm Thành, vua Chiêm thua, bị đuổi tới Nhà Na.⁽²⁾ Tại Nhà Na có một nhánh núi, kéo dài tới biển. Vua Chiêm rút lui đóng đồn ở đó, lấy đất lấp kín bốn cổng để tự giữ. Nay có tên là lũy Nhà Na vậy. Dững quốc công bèn đem đất thu được đặt ra hai phủ Bình Khang, Diên Khánh.

Phủ Bình Khang phía bắc giáp Đèo Cả phủ Phú Yên xứ Quảng Nam; phía nam giáp núi Dũ Quân, thông với đầm Vũng Găng (đất này có nhiều chỗ) tiếp liền với nơi đóng quân tại Dũ Lai, Bình Thuận; phía đông thông với biển. Dọc theo bờ biển có cửa Khổn (sâu vừa), Nha Dũ (lớn và sâu), Cao Hoan (sâu vừa, nhỏ), cửa Khổn (nhỏ cạn),⁽³⁾ Cam Minh⁽⁴⁾ (sâu vừa), cửa Ba Văn (nhỏ cạn) và lấy nửa sông của phủ Bình Thuận làm ranh giới. Hòn Chông⁽⁵⁾ tại địa giới Bình Khang, Vũng Tàu⁽⁶⁾ tại địa giới Bình Thuận. Cạnh

⁽¹⁾ Trong một số bản đồ cổ do các nhà hàng hải phương Tây vẽ về biển Đông, như bản đồ Sinensis Oceanus của anh em Van-Langren (1595) hoặc bản đồ Indiae Orientalis của Meccato (1633) đều ghi nhận đối diện với quần đảo Paracels (Bãi Cát Vàng tức Hoàng Sa) về phía đất liền là Costa da Pracels (Bờ Pracels, tức bờ Bãi Cát Vàng, bờ Hoàng Sa), nằm ở khoảng bờ biển từ Quảng Nam đến Quảng Ngãi. Việc của biển Sa Huỳnh còn có tên là Bãi Cát Vàng chứng tỏ mối quan hệ mật thiết giữa cửa biển này, nói rộng ra là vùng biển Quảng Nam-Quảng Ngãi đối với quần đảo Hoàng Sa.

⁽²⁾ Nhà Na tức Cà Ná, cũng gọi là lũy Cà Ná.

⁽³⁾ Chép sai: 2 cửa Khổn?

⁽⁴⁾ Cửa Cam Minh có thể là cửa Cam Ranh.

⁽⁵⁾ Hòn Chông ở ngoài biển, thuộc huyện Yên Phước cũ, tỉnh Bình Thuận.

⁽⁶⁾ Vũng Tàu ở phía nam cửa Ma Văn, thuộc huyện Yên Phước cũ, tỉnh Bình Thuận.

cửa biển có ba đầm: đầm Cửa Khổn, đầm Hòn Tai và đầm Vũng Găng, hai vũng Hải Nại và Hòn Né có thể đậu thuyền. Bên ngoài biển có các núi Hòn Sầm, hòn Đồi Mồi, Hòn Hào, hòn Cù Lao, và Hòn Ngoai có thể tạm trú. Phía tây giáp với núi, đều là dân miền núi.

Phủ Bình Thuận vốn là đất cũ của Chiêm Thành. Tộ quốc công [Nguyễn Phúc Chu] đánh Chiêm Thành lấy đất này đặt phủ Bình Thuận. Bắc giáp nơi đóng quân Dũ Lai phủ Bình Khang. Nam giáp cửa biển Ma Ly của phủ Gia Định, lấy nửa sông làm ranh giới. Dọc theo biển, phía trên giáp với cửa Ba Vắn, có cửa Phan Rang Vũng Tàu (nhỏ sâu), cửa Lớn (nhỏ cạn), cửa Phan Thiết (nhỏ cạn), cửa Cu Mi (còn có tên Khe Cả), cửa Ma Ly (nhỏ cạn) gồm 8 cửa biển.⁽¹⁾ Bên ngoài biển có núi Mũi Diên, thế núi nép xuống. Núi có chín khúc, có cầu Cù Lao. Ngoài cửa Phan Thiết cũng có núi Cù Lao.

Phủ Gia Định là đất cũ của Cao Miên, Tộ quốc công đánh Cao Miên lấy đất này, đặt phủ Gia Định. Đồng đất màu mỡ ngàn dặm, đó là kho trời phì nhiêu. Phía bắc giáp Bình Thuận, lấy nửa sông Ma Ly làm ranh giới. Phía nam thông với các nước Cao Miên, Xiêm La. Phía đông ra tận biển. Dọc theo bờ biển có cửa Ma Ly (nhỏ, cạn), cửa Xích Quảng (nhỏ cạn), cửa Tắc Ký⁽²⁾ (nhỏ cạn), cửa Cần Giờ (rất sâu), cửa Đồng Tranh (nhỏ, cạn), cửa Tiểu Soài Rạp (sâu vừa), cửa Đại (rất sâu), cửa Ba Thắc (rất sâu). Cửa Ba Thắc kín, tiếp với Nam Vang. Nơi này người Hoa ở đông đúc. Ngoài biển có cù lao Côn Lôn. Người Chà Và núp nơi lùm bụi chuyên cướp biển. Phía tây giáp man Ba Quan tức là dân Chăm Thuận Thành cũ và man Ba Can. Trong phủ đặt ra tám trấn, một tuần ty, ba phố và hai huyện. Hiếu quận công [Nguyễn Phúc Khoát] lại đánh Cao Miên, lấy đất này đặt ra châu Định Viễn. Trong phủ sông rạch lưu thông, trong một ngày đêm thủy triều lên 8 thước, nước xuống 15 thước, không dùng ăn uống được. Riêng nước sông dinh Trấn Biên tiện cho việc ăn uống.

Khắp nơi dưới bầu trời này đâu chẳng là đất của vua. Vùng Kỳ Châu không nói đến cương giới, đó là bậc vương giả không có cõi ngoài. Từ xưa thanh giáo của vua Thuấn bao khắp bốn phương nhưng nơi cai trị chỉ có năm cõi. Nước Việt ta từ khi hai triều Lý, Trần thu phục Ô, Lý thì giao phó cho người đã tùy phục. Từ đời Lê Thánh Tông mới đặt thành quận huyện. Lúc bấy giờ tuy chưa hết các dân mọi, nhưng đã ra sức đổi thay, việc dựng bia vạch ranh giới cũng chỉ dừng lại ở núi Phên Mao.

Kính thay có đất nước là nhờ tổ tông giữ đất, đáng như kế sách lớn của vua Quang Vũ [nhà Hán] đủ để dân yên nghỉ.

Hoàng Thạch Công⁽³⁾ ghi rằng: Cốt ở rộng mở đức độ mới cường thịnh.

(Hết quyển ba)

⁽¹⁾ Liệt kê không đủ.

⁽²⁾ *Phủ biên tạp lục* ghi là cửa Tắc Khái. *Gia Định thành thông chí* ghi là cửa Tắc Ký. Cửa này tục gọi là cửa Lấp.

⁽³⁾ Nhân vật theo truyền thuyết đã tặng binh thư cho Trương Lương để giúp Lưu Bang lập nên nhà Hán.